

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN PHỤNG HIỆP**  
**TỈNH HẬU GIANG**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Thế Tự;

2. Ông: Bùi Văn Phục.

***-Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

*Họ và tên:* **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1983, tại H, Hậu Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp P, xã Hưng, huyện H, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Lê Thị M; bị cáo có chồng là Hứa Văn T và một người con sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tự đầu thú và bị tạm giữ ngày 25.12.2020 đến ngày 02.01.2021 chuyển tạm giam đến nay, bị cáo có mặt.

***-Bị hại:*** Nguyễn Thị N, năm sinh 1955, cư trú ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

***-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Hứa Văn T, năm sinh 1983, nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Lê Thị M, năm sinh 1951, nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Phan Văn H, năm sinh 1974, nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

*-Người tham gia tố tụng khác (người làm chứng):*

1. Nguyễn Thị T, năm sinh 1974, nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Trịnh Lâm Thị V, năm sinh 1989, nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

3. Nguyễn Thị M, năm sinh 1969, nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 23/12/2020, bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955, ngụ ấp P, xã H, huyện H đến nhà hàng xóm chơi, đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, bà N về nhà thì thấy quần áo trong ngăn tủ thứ nhất của tủ quần áo (tủ có 03 ngăn) bị xê dịch, bà N kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm tài sản gồm: Tiền Việt Nam 50.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền có mặt hình mỏ neo, loại vàng 23k, trọng lượng 5,5 chỉ (tiền và vàng bà N để trong 01 bịch ni long đựng đường màu trắng loại 01kg, bịch ni long được quấn chặt lại, hai đầu được buộc cố định bằng dây thun), sau đó bà N truy hô cho mọi người biết, đến sáng ngày 24/12/2020 bà N hành đến Công an xã H trình báo sự việc.

Đến ngày 25/12/2020, Nguyễn Thị B là con dâu của bà N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp đầu thú và khai nhận như sau:

Do có quan hệ tình cảm với anh Phan Văn H ngụ cùng ấp, biết được việc bà N có cất giữ tiền và vàng nên anh H kêu B lấy trộm cho anh H mượn, B đồng ý, đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/12/2020, lợi dụng lúc bà N vắng nhà, còn anh Hứa Văn T là chồng của B đi đám giỗ ở xã B, B đi đến tủ quần áo nơi bà N cất giữ tài sản và lấy trộm tài sản gồm: Tiền Việt Nam 50.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền có mặt hình mỏ neo, loại vàng 23k, trọng lượng 5,5 chỉ, B lấy tài sản trộm được để vào ngăn tủ thứ ba cất giấu.

Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, bà N và anh T về nhà, bà N kiểm tra tài sản thì phát hiện bị mất trộm nên truy hô cho mọi người biết, sau đó bà N và anh T đi ngủ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, B tiếp tục lấy tài sản trộm cất giấu trên người rồi đi bộ trên lộ nông thôn đến đoạn vắng gần nhà ông Nguyễn Thành K ngụ cùng ấp đợi anh H, do đã hẹn trước đó, B đứng đợi khoảng 20 phút không thấy anh H nên B đi về nhà. Trên đường về, do sợ bị phát hiện nên B ghé nhà mẹ ruột là bà Lê Thị M, sinh năm 1951 gửi số tài sản trộm được cho bà M cất giữ (tiền và vàng còn để trong bịch ni long), sau đó do sợ ảnh hưởng đến bà M nên B quay lại lấy số tài sản trộm được cất giấu trên người rồi đi về nhà. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, B tiếp tục lấy số tài sản trộm cất giấu trên người rồi đi đến nhà anh H, khi B đi đến nhà của chị ruột là Nguyễn Thị T thì B nhìn thấy trước hàng ba có để 01 chiếc xe đạp nên B lấy và tiếp tục điều khiển chạy đến nhà anh H, gặp anh H, B đưa toàn bộ tài sản trộm được cho anh H cất giữ rồi chạy xe đạp về trả cho chị T.

Đến khoảng 05 giờ 30 ngày 24/12/2020, B đi đến nhà gặp anh H để hỏi về số tiền và vàng trộm được thì anh H nói: “Có đếm được bốn mươi triệu và năm chỉ rưỡi vàng”, nghe anh H nói xong B đi về nhà. Đến ngày 25/12/2020, B đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Đối với vật chứng trong vụ án không thu hồi được.

Đối với anh Phan Văn H, qua kết quả điều tra xác minh, kết quả đối chất, anh H phủ nhận toàn bộ lời khai của Nguyễn Thị B, do đó không đủ cơ sở xử lý đối với anh H. Đối với bà Lê Thị M khai nhận trong khoảng thời gian từ tối ngày 23/12/2020 đến sáng ngày 24/12/2020 bà M không gặp B và không giữ bất cứ tài sản nào của B, do đó không đủ cơ sở xử lý đối với bà M.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh Hậu Giang, kết luận 01 sợi dây chuyền có mặt hình mỏ neo, trọng lượng 5,5 chỉ vàng 23k có giá trị là 28.930.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thị B đã chiếm đoạt là 78.930.000 đồng.

Tại phiên tòa lời khai, lời trình bày ý kiến của những người được xét hỏi, thẩm tra gồm:

- Bị cáo Nguyễn Thị B: thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đồng thời bị cáo có lời trình bày: khi bị cáo và anh H gặp nhau để đưa tiền

thì chỉ có hai người biết, không có ghi âm, ghi hình về việc bị cáo đưa tiền cũng như khi anh H kêu bị cáo lấy tiền cho anh H mượn.

- Bị hại trình bày: bị cáo là con dâu bà, vợ chồng nó sống cùng bà, từ trước đến nay bị cáo sống đàng hoàng, không có điều tiếng gì, không sai phạm gì nhưng bà không hiểu tại sao ngày hôm đó lại hành động như vậy, do sự việc đã lỡ, hiện nay tài sản của bà thì chồng bị cáo đã đưa lại xong, không còn mất gì. Về dân sự bà không yêu cầu gì khác. Về hình sự bà có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình cùng chồng bị cáo chung sống với bà vì hiện tại bà cũng bị bệnh đi lại khó khăn cần người trợ giúp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hứa Văn T trình bày: số tiền khắc phục hậu quả do bị cáo kêu anh trả lại bị hại, anh không yêu cầu bị cáo trả lại mà để vợ chồng làm kiếm tiền từ từ trả lại sau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn H trình bày: anh hoàn toàn không có kêu bị cáo kiếm tiền cho anh mượn và anh cũng không có giữ tiền bạc gì của bị cáo đưa như bị cáo trình bày.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị M trình bày: bà là mẹ bị cáo, bà không giữ cũng như không biết gì về tiền bạc của bị cáo gửi. Sau khi nghe bà N mất tiền và khi bị cáo đến Công an trình báo thì bà mới hay việc bị cáo lấy tiền của bà N.

Các người tham gia tố tụng khác có lời trình bày phù hợp với nội dung hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-HS, ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 3, Điều 50, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị B đã tác động gia đình bồi thường cho bà N số tiền 78.930.000 đồng, bà N đã nhận tiền và không yêu cầu thêm.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả cho anh Phan Văn H: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A377, số imei 1 866615035406311, gắn sim số 0939.026.080, số tiền Việt Nam 11.500.000 đồng.

Đề nghị trao trả bị cáo các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Thị B tự bào chữa: không tranh luận, không bào chữa gì với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận;

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị B: Trong thời gian bị tạm giam gần 06 tháng, bị cáo rất ăn năn, hối hận về việc làm sai trái của bản thân, xin gia đình bỏ qua và xin được hưởng án treo để bị cáo về với gia đình, làm lại người tốt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phụng Hiệp, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa: bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về mặt khách quan: bị cáo B lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác mà đã lén lút chiếm đoạt tài sản, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đã hoàn thành, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và khi thực hiện bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đủ các yếu tố cấu thành tội phạm về mặt khách thể, chủ thể, khách quan, chủ quan.

[3] Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời

trình bày tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/12/2020, lợi dụng bà Nguyễn Thị N (mẹ chồng bị cáo) ở ấp P, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang vắng nhà, bị cáo B đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bà N gồm: tiền Việt Nam 50.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền có mặt hình mỏ neo, loại vàng 23k, trọng lượng 5,5 chỉ, với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 78.930.000 đồng. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo B thuộc trường hợp định khung hình phạt là chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

[4] Xét thấy: bị cáo đã có gia đình chồng, con nhưng bản thân không lo làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình mà lại có những suy nghĩ không tích cực, để rồi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người khác để trộm cắp tài sản. Hành vi trên đây của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra, nên cần có một hình phạt tương xứng với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả, khi bị phát hiện bị cáo tự đến cơ quan đầu thú về hành vi phạm tội, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo: các tình tiết này được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng tách nhiệm hình sự. Về nhân thân: bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, sau khi có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có được hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội. Nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, xét bị cáo có thời gian tạm giam hơn năm tháng cũng đủ để suy nghĩ hối hận về hành vi phạm tội của bản thân nên không cần tiếp tục cách ly bị cáo mà căn cứ Điều 65 áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định cũng

đủ sức răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích, áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong.

[8] Về vật chứng: Vật chứng nào Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp thì không đặt ra xem xét.

Các vật chứng còn lại gồm: 01 cái áo khoác, vải thun màu xanh; 01 bộ đồ bộ nữ vải thun, nền đen bông đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Masstel; số imei 1352116869501424, gắn sim số 0896.722.852; số tiền Việt Nam 431.000 đồng (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp quản lý). Áp dụng khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Xét các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trao trả cho bị cáo.

[9] Đối với bà Lê Thị M và anh Phan Văn H, ngoài lời trình bày của bị cáo thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Tuyên bố:** bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 3, Điều 50, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B **02 (hai) năm tù** nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27 tháng 4 năm 2021).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị B tại phiên tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường xong.

-Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Trao trả bị cáo Nguyễn Thị B: 01 cái áo khoác vải thun màu xanh; 01 bộ đồ bộ nữ vải thun, nền đen bông đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Masstel; số imei 1352116869501424, gắn sim số 0896.722.852; số tiền Việt Nam 431.000đ (bốn trăm ba mươi một ngàn đồng).

-Về án phí: áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 Bộ Bộ luật tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định của Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp t. Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp ;
- Công an H.Phụng Hiệp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu

(Đã ký)

**Nguyễn Thanh Liêm**